

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2026/DS-PT
Ngày: 02-3-2026
V/v tranh chấp thừa kế.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán: Bà Đinh Ngọc Thu Hương
Ông Phạm Văn Công

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Châu Loan, Thư ký viên Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Gia V, Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 701/2025/TLPT-DS ngày 12/6/2025, về việc “Tranh chấp thừa kế”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2024/DS-ST ngày 05/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 175/2026/QĐ-PT ngày 29/01/2026; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đinh Thị Tuyết H, sinh năm 1965; Địa chỉ: 7, khu phố A, phường T, thành phố B - nay là phường T, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

- Bị đơn:

1. Bà Đinh Thị H1, sinh năm 1948; Địa chỉ: G N Ride Blvd Apt C Chicago, IL 60645, USA (vắng mặt);

2. Ông Đinh Minh T, sinh năm 1959;

3. Ông Đinh Minh T1, sinh năm 1969;

Cùng địa chỉ: 1 P, khu phố A, phường T, thành phố B - nay là phường T, tỉnh Đồng Nai (cùng vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông Đinh Minh T: Ông Vũ Ngọc H2, sinh năm 1977; Địa chỉ: I N, Tổ A, khu phố P, phường T, tỉnh Đồng Nai (Văn bản ủy quyền ngày 11/9/2025, có mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đinh Thị S, sinh năm 1955; Địa chỉ: Tổ A, khu phố B, phường T, thành phố B - nay là phường T, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

2. Bà Đinh Thị H3, sinh năm 1956; Địa chỉ: A, Tổ B, ấp H, xã N, huyện Đ - nay là xã Đ, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

3. Bà Đinh Thị Tuyết M, sinh năm 1961; Địa chỉ: A, khu phố N, phường H, thành phố B - nay là phường T, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

4. Bà Đinh Thị Ngọc N, sinh năm 1966; Địa chỉ: 1 P, khu phố A, phường T, thành phố B - nay là phường T, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

5. Ông Đinh Văn C, sinh năm 1957 (chết năm 2017);

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông C:

5.1. Bà Bùi Thị H4, sinh năm 1961 (có mặt);

5.2. Bà Đinh Thị Kim O, sinh năm 1992 (vắng mặt);

5.3. Ông Đinh Tiên H5, sinh năm 1994 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: 7, Tổ D, khu phố G, phường T, thành phố B - nay là phường T, tỉnh Đồng Nai.

6. Bà Nguyễn Thị Hương T2, sinh năm 1972 (vắng mặt);

7. Bà Đinh Thảo N1, sinh năm 2002 (vắng mặt);

8. Cháu Đinh Minh T3, sinh năm 2010 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: 1 P, khu phố A, phường T, thành phố B - nay là phường T, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Đinh Minh T3: Ông Đinh Minh T1 và bà Nguyễn Thị Hương T2.

9. Ông Đinh Văn N2, sinh năm 1952 (chết tháng 6/1999 - trước cụ L);

Người thừa kế thế vị của ông Đinh Văn N2 (03 người con) gồm:

9.1. Ông Đinh Minh N3, sinh năm 1978;

9.2. Bà Đinh Thị Vân T4, sinh năm 1981;

Cùng địa chỉ: F, khu phố D, phường T, thành phố B - nay là phường T, tỉnh Đồng Nai (cùng vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà Đinh Thị Vân T4: Ông Đinh Minh N3 (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 29/11/2023).

9.3 Bà Đinh Thị Minh T5, sinh năm 1984; Địa chỉ: D B, C, SC B, USA (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Các ông bà Đinh Thị H1, Đinh Minh T, Đinh Minh Nghĩa là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa của bà Đinh Thị Tuyết H:

Cha mẹ của bà là cụ Đinh Văn Y, sinh năm 1923 (chết năm 2001) và cụ Đinh Thị L, sinh năm 1930 (chết năm 1999). Cha mẹ bà có tất cả 11 người con gồm:

1. Bà Đinh Thị H1, sinh năm 1948;
2. Ông Đinh Văn N2, sinh năm 1952 (chết vào tháng 6/1999 trước cha mẹ nên người thừa kế thế vị của ông N2 là 03 người con gồm ông Đinh Minh N3, bà Đinh Thị Vân T4 và bà Đinh Thị Minh T5);
3. Bà Đinh Thị S, sinh năm 1955;
4. Bà Đinh Thị H3, sinh năm 1956;
5. Ông Đinh Văn C, sinh năm 1957 (chết năm 2014 sau cha mẹ, có những người thừa kế chuyển tiếp là bà Bùi Thị H4, bà Đinh Thị Kim O và ông Đinh Tiên H5);
6. Ông Đinh Minh T, sinh năm 1959;
7. Bà Đinh Thị Tuyết M, sinh năm 1961;
8. Ông Đinh Minh T6, sinh năm 1962 (chết năm 2009, không vợ con);
9. Bà Đinh Thị Tuyết H, sinh năm 1965;
10. Bà Đinh Thị Ngọc N, sinh năm 1966;
11. Ông Đinh Minh T1, sinh năm 1969.

Ngoài ra cha mẹ bà không có con riêng hay con nuôi nào khác.

Quá trình chung sống, cha mẹ bà có tạo dựng được khối tài sản chung là phần đất diện tích 402,2m² thuộc thửa đất số 148, tờ bản đồ số 21, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, đã được UBND tỉnh Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4701211482 vào ngày 17/7/2003 (viết tắt là Giấy chứng nhận số 4701211482) và tài sản tọa lạc trên thửa đất gồm:

- Nhà 1: Diện tích xây dựng 103,5m² (diện tích sàn xây dựng 216m²); kết cấu: Móng cột bê tông cốt thép, dầm sàn bê tông cốt thép, tường xây gạch, tô trát, sơn nước, tường ốp gạch cao 1,1m, nền lát gạch bông, trần bê tông cốt thép, cửa khung nhôm kính phía trong, cửa sắt kéo phía ngoài; cầu thang: Bậc thang bê tông cốt thép, lan can tay vịn sắt, bậc xây gạch, sơn đá rửa; tầng trên: Nền lát gạch ceramic, cửa phòng khung sắt kính + khung nhôm kính, cửa sổ khung sắt kính, xà gồ sắt, mái tôn, trần tôn lạnh; lan can trước và sau: Nền lát gạch ceramic, lan can khung sắt lửng; Nhà vệ sinh: nền lát gạch ceramic nhám, tường xây gạch, xí bệt, cửa không sử dụng được.

- Nhà 2: Diện tích xây dựng 94m², diện tích xây dựng bị thu hồi 10,5m², diện tích xây dựng còn lại 83,5m²; kết cấu: Móng cột gạch, đà kiềng bê tông cốt thép, tường xây gạch, sơn nước, nền lát gạch cửa đi cửa sắt kéo, cửa sổ khung sắt kính, trần tôn lạnh; bếp: Thành bếp xây gạch, kệ bếp tấm đan bê tông ốp gạch; nhà vệ sinh: nền lát gạch ceramic nhám, tường xây gạch, xi măng, cửa nhựa; gác: Cầu thang sắt, xà gỗ sắt, sàn ván ép, lan can khung sắt (đã bị thu hồi).

- Nhà 3: Diện tích xây dựng 79m², diện tích xây dựng bị thu hồi 09m², diện tích xây dựng còn lại 70m², kết cấu: Móng cột gạch, tường xây gạch, tổ trát, sơn nước, nền lát gạch ceramic, trần tôn lạnh; cửa đi, cửa sổ khung nhôm kính; nhà vệ sinh: Nền lát gạch ceramic nhám, tường xây gạch, cửa nhựa, xi măng.

Theo Chứng thư Thẩm định giá số 5144/CT-ĐNI ngày 05/12/2023 của Công ty Cổ phần T8 thì giá trị phần diện tích đất 379,6m² là 28.659.800.000 đồng (75.500.000 đồng/m²); giá trị Nhà 1 là 777.600.000 đồng; giá trị Nhà 2 là 175.350.000 đồng; giá trị Nhà 3 là 147.000.000 đồng.

Riêng đối với phần diện tích đất 22,6m² còn lại của thửa đất nằm trong dự án Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phường T và T, theo Quyết định số 1287/QĐ-UBND ngày 15/11/2023 của UBND thành phố B về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho ông (bà) Đinh Văn Y (đã chết) và bà Đinh Thị L, hiện chưa phân chia di sản thừa kế do thu hồi đất để thực hiện dự án (kèm theo Bảng chiết tính giá trị bồi thường do Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố B lập ngày 26/6/2023) thì tổng số tiền được bồi thường là 1.410.627.000 đồng (bao gồm: bồi thường, hỗ trợ đất là 1.186.658.000 đồng; nhà ở, vật kiến trúc là 206.869.000 đồng; tài sản khác là 5.100.000 đồng; thương di dời là 12.000.000 đồng).

Trước khi chết, ông Y và bà L không để lại di chúc nên chị em bà đều được quyền hưởng phần tài sản cha mẹ để lại, tuy nhiên bà Đinh Thị H1, ông Đinh Minh T và ông Đinh Minh T1 cố tình chiếm giữ nhà đất, không đồng ý chia cho các chị em nên bà khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế.

Theo đơn khởi kiện, bà yêu cầu chia thừa kế toàn bộ nhà và đất như đã nêu trên thành 10 phần bằng nhau và bà xin được hưởng 01 phần. Tuy nhiên hiện nay bà không yêu cầu chia tài sản trên, bà chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế đối với phần đất diện tích 402,2m², thuộc thửa đất số 148, tờ bản đồ số 21, phường T, thành phố B - nay là phường T, tỉnh Đồng Nai thành 10 phần bằng nhau và bà xin hưởng 01 phần, cụ thể:

- Đối với phần đất diện tích 379,6m² không nằm trong quy hoạch theo Chứng thư Thẩm định giá số 5144/CT-ĐNI ngày 05/12/2023 của Công ty T8 có giá trị là 28.659.800.000 đồng, bà xin được chia 1/10 số tiền này;

- Đối với phần đất diện tích 22,6m² còn lại của thửa đất nằm trong dự án Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phường T và T, theo Quyết định số 1287/QĐ-UBND ngày 15/11/2023 của UBND thành phố B về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho ông (bà) Đinh Văn Y (đã chết) và bà Đinh Thị L, hiện chưa phân chia di sản thừa kế do thu hồi đất để thực hiện dự án (kèm theo Bảng chiết

tính giá trị bồi thường do Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố B lập ngày 26/6/2023) thì tổng số tiền được bồi thường là 1.410.627.000 đồng, bà cũng xin được chia 1/10 số tiền này.

Hiện tại nhà và đất đang do vợ chồng ông Đinh Minh T1 quản lý, sử dụng.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông bà Đinh Thị Ngọc N, Đinh Thị H3, Đinh Thị S, Đinh Thị Tuyết M, Bùi Thị H4, Đinh Thị Kim O và Đinh Tiên H5 cùng trình bày: Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn bà Đinh Thị Tuyết H về nhân thân huyết thống của các ông/bà (anh/chị). Tất cả đều thống nhất với yêu cầu giải quyết chia di sản thừa kế của cụ Y và cụ L theo như ý kiến của bà H.

Người thừa kế thế vị của ông Đinh Văn N2 là ông Đinh Minh N3 (ông N3 cũng là người đại diện cho bà Đinh Thị Vân T4) cùng trình bày: Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn bà Đinh Thị Tuyết H về nhân thân huyết thống của các anh/chị. Ông N3 thống nhất với yêu cầu giải quyết chia di sản thừa kế của cụ Y và cụ L theo như ý kiến của bà H.

Đối với người thừa kế thế vị của ông Đinh Văn N2 là bà Đinh Thị Minh T5: Mặc dù đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn không cung cấp văn bản ý kiến và không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai.

Đối với các bị đơn gồm Đinh Thị H1, ông Đinh Minh T và ông Đinh Minh T1: Mặc dù đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn không cung cấp văn bản ý kiến và không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai.

Đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hương T2 (bà T2 và ông Đinh Minh T1 cũng là người đại diện theo pháp luật của cháu Đinh Minh T3) và bà Đinh Thảo N1: Mặc dù đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn không cung cấp văn bản ý kiến và không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2024/DS-ST ngày 05/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 203; 220, 207, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào các Điều 609, 623, 649, 650, 651, 660 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị Tuyết H đối với bị đơn bà Đinh Thị H1, ông Đinh Minh T và ông Đinh Minh T1 về việc chia thừa kế phần đất diện tích 379,6m² thuộc một phần thửa đất số 148, tờ bản đồ số 21, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và số tiền 1.410.627.000 đồng (số tiền được bồi thường, hỗ trợ đối với phần đất diện tích 22,6m² thuộc một phần

thửa đất số 148, tờ bản đồ số 21, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai do nằm trong dự án Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phường T và T theo Quyết định số 1287/QĐ-UBND ngày 15/11/2023 của UBND thành phố B về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho ông (bà) Đinh Văn Y (đã chết) và bà Đinh Thị L (ĐG) – Hiện chưa phân chia di sản thừa kế do thu hồi đất để thực hiện dự án).

[2] Giao cho ông Đinh Minh T1 được quyền sử dụng phần đất diện tích 379,6m² thuộc một phần thửa đất số 148, tờ bản đồ số 21, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (phần diện tích đất còn lại sau quy hoạch được thể hiện theo bản Trích lục và đo vẽ hiện trạng thửa đất bản đồ địa chính số 3365/2023 ngày 21/11/2022 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đ; thửa đất trên đã được UBND tỉnh Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4701211482 vào ngày 17/7/2003 cho ông Đinh Văn Y và bà Đinh Thị L) và sở hữu toàn bộ tài sản tọa lạc trên phần đất diện tích 379,6m² gồm:

[2.1] Nhà 1: Diện tích xây dựng 103,5m² (diện tích sàn xây dựng 216m²). Kết cấu: móng cột bê tông cốt thép, dầm sàn bê tông cốt thép, tường xây gạch, tô trát, sơn nước, tường ốp gạch cao 1,1m, nền lát gạch bông, trần bê tông cốt thép, cửa đi khung nhôm kính phía trong, cửa sắt kéo phía ngoài; cầu thang: bản thang bê tông cốt thép, lan can tay vịn sắt, bậc xây gạch, sơn đá rửa; tầng trên: nền lát gạch cửa phòng khung sắt kính + khung nhôm kính, cửa sổ khung sắt kính, xà gồ sắt, mái tôn, trần tôn lạnh; lan can trước và sau: nền lát gạch ceramic, lan can khung sắt lửng; Nhà vệ sinh: nền lát gạch ceramic nhám, tường xây gạch, xi bết, cửa không sử dụng được.

[2.2] Nhà 2: Diện tích xây dựng 94m², diện tích xây dựng bị thu hồi 10,5m², diện tích xây dựng còn lại 83,5m². Kết cấu: móng cột gạch, đà kiềng bê tông cốt thép, tường xây gạch, sơn nước, nền lát gạch cửa đi cửa sắt kéo, cửa sổ khung sắt kính, trần tôn lạnh; bếp: thành bếp xây gạch, kệ bếp tấm đan bê tông ốp gạch; nhà vệ sinh: nền lát gạch ceramic nhám, tường xây gạch, xi bết, cửa nhựa; gác: cầu thang sắt, xà gồ sắt, sàn ván ép, lan can khung sắt (đã bị thu hồi).

[2.3] Nhà 3: Diện tích xây dựng 79m², diện tích xây dựng bị thu hồi 09m², diện tích xây dựng còn lại 70m². Kết cấu: móng cột gạch, tường xây gạch, tô trát, sơn nước, nền lát gạch ceramic, trần tôn lạnh; cửa đi, cửa sổ khung nhôm kính; nhà vệ sinh: nền lát gạch ceramic nhám, tường xây gạch, cửa nhựa, xi bết.

[2.4] Ông Đinh Minh T1 có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký biến động theo quy định của pháp luật về quản lý đất đai.

[3] Buộc ông Đinh Minh T1 phải có nghĩa vụ sau:

[3.1] Thanh toán cho bà Đinh Thị Tuyết H, bà Đinh Thị Ngọc N, bà Đinh Thị H3, bà Đinh Thị S, bà Đinh Thị Tuyết M, bà Đinh Thị H1, ông Đinh Minh T mỗi người với số tiền 2.865.980.000 đồng (Hai tỷ tám trăm sáu mươi lăm triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng).

[3.2] Thanh toán cho bà Bùi Thị H4, chị Đinh Thị Kim O và anh Đinh Tiên H5 (vợ và 02 người con của ông Đinh Văn C) số tiền 2.865.980.000 đồng (Hai tỷ tám trăm sáu mươi lăm triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng).

[3.3] Thanh toán cho anh Đinh Minh N3, chị Đinh Thị Vân T4 và chị Đinh Thị Minh T5 (03 người con của ông Đinh Văn N2) số tiền 2.865.980.000 đồng (Hai tỷ tám trăm sáu mươi lăm triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng).

[4] Giải quyết chia số tiền 1.410.627.000 đồng (Một tỷ bốn trăm mười triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn đồng) như sau:

[4.1] Các ông/bà: Đinh Thị Tuyết H, Đinh Thị Ngọc N, Đinh Thị H3, Đinh Thị S, Đinh Thị Tuyết M, Đinh Thị H1, Đinh Minh T và Đinh Minh T1 mỗi người được chia với số tiền 141.062.700 đồng (Một trăm bốn mươi một triệu không trăm sáu mươi hai nghìn bảy trăm đồng).

[4.2] Bà Bùi Thị H4, chị Đinh Thị Kim O và anh Đinh Tiên H5 được chia với số tiền 141.062.700 đồng (Một trăm bốn mươi một triệu không trăm sáu mươi hai nghìn bảy trăm đồng).

[4.3] Anh Đinh Minh N3, chị Đinh Thị Vân T4 và chị Đinh Thị Minh T5 được chia với số tiền 141.062.700 đồng (Một trăm bốn mươi một triệu không trăm sáu mươi hai nghìn bảy trăm đồng).

[4.4] Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, các đương sự được chia số tiền trên được quyền liên hệ đến Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố B làm thủ tục nhận tiền.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Vào các ngày 07 và 08/11/2024, các ông bà Đinh Minh T, Đinh Minh T1 và Đinh Thị H1 kháng cáo toàn bản án sơ thẩm.

Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Đinh Thị Tuyết H là nguyên đơn không thay đổi, bổ sung, không rút đơn khởi kiện; ông Vũ Ngọc H2 là người đại diện hợp pháp của ông Đinh Minh T không thay đổi, bổ sung, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ban đầu; các đương sự khác vắng tại phiên tòa nên không thể hiện ý kiến; các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới và không tự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Trong phần tranh luận, các đương sự trình bày như sau:

1. Ông Vũ Ngọc H2: Bà H1 cư trú tại Mỹ nhưng Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập bà H1 tại địa chỉ ở B là không đúng. Do các căn nhà có trên diện tích đất tranh chấp đã xuống cấp nên bà H1 đã bỏ tiền ra sửa chữa, nhưng bản án sơ thẩm không xem xét phần sửa chữa này. Bản án sơ thẩm giao tài sản tranh chấp cho ông T1, buộc ông T1 phải thanh toán giá trị kỷ phần cho những người còn lại là khó thi hành, vì ông T1 không hiểu biết pháp luật. Đề nghị Tòa án cấp

phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng giao tài sản tranh chấp cho bà H, buộc bà H phải thanh toán giá trị kỷ phần cho những người còn lại.

2. Bà Đinh Thị Tuyết H: Bà không có tiền để thanh toán cho các đồng thừa kế khác, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm; trường hợp ông T1 không thanh toán được thì đề nghị cơ quan thi hành án phát mãi tài sản tranh chấp để thi hành án.

3. Các bà Đinh Thị S, Đinh Thị H3, Đinh Thị Tuyết M: Thống nhất với ý kiến của ông H2.

4. Bà Bùi Thị H4: Thống nhất với ý kiến của bà H.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

1. Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các ông bà H1, T, T1 làm trong hạn luật định nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận về mặt hình thức.

2. Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên toà, các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên toà và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến giai đoạn xét xử phúc thẩm.

3. Về yêu cầu kháng cáo: Bản án sơ thẩm đã xem xét, đánh giá một cách toàn diện, khách quan các chứng cứ trong vụ án và tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của các ông bà H1, T, T1 và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các ông bà Đinh Thị H1, Đinh Minh T và Đinh Minh T1 làm trong hạn luật định; ông T sinh năm 1959 là người cao tuổi nên được miễn nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm; ông T1, bà H1 đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm. Do đó, đơn kháng cáo của các ông bà nêu trên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án và thời hiệu khởi kiện: Ngày 18/5/2021, bà Đinh Thị Tuyết H khởi kiện các ông bà Đinh Thị H1, Đinh Minh T và Đinh Minh T1 yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Y (chết năm 2001) và cụ L (chết năm 1999) để lại gồm phần đất có diện tích 379,6m² và số tiền bồi thường do giải toả 22,6m² đất 1.410.627.000 đồng (diện tích đất tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 148, tờ bản đồ số 21, toạ lạc tại phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai). Bà H1 là bị đơn đang cư trú tại Hoa Kỳ. Đây là vụ kiện tranh chấp thừa kế có đương sự đang cư trú ở nước ngoài. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai thụ lý, xét xử vụ án là đúng quan hệ pháp luật, đúng thẩm quyền và còn thời hiệu khởi kiện, phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 26, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về sự vắng mặt của bà H1 và ông T1: Bà H1 và ông T1 là người có kháng cáo bản án sơ thẩm. Toà án đã 02 lần triệu tập hợp lệ bà H1 tham gia phiên toà (lần 1 vào ngày 28/01/2026, lần 2 vào ngày 02/3/2026); triệu tập hợp lệ ông T1 vào các ngày 12/9/2025, 27/9/2025, 28/01/2026 và 02/3/2026; tuy nhiên bà H1 và ông T1 đều vắng mặt không rõ lý do, không thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan, thuộc trường hợp được coi như từ bỏ việc kháng cáo. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà H1 và ông T1 theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét kháng cáo của ông T, nhận thấy:

[4.1] Các tình tiết, sự kiện sau đây do các đương sự đều thừa nhận nên là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự:

- Cụ Y (chết năm 2001) và cụ L (chết năm 1999), đều không để lại di chúc; cụ Y và cụ L có 11 người con gồm các ông bà (1) Đinh Thị H1, (2) Đinh Văn N2 (chết vào tháng 6/1999 trước cụ Y, cụ L, có những người thừa kế thế vị là ông Đinh Minh N3, bà Đinh Thị Vân T4 và bà Đinh Thị Minh T5), (3) Đinh Thị S, (4) Đinh Thị H3, (5) Đinh Văn C (chết năm 2014, có những người thừa kế chuyển tiếp là bà Bùi Thị H4, bà Đinh Thị Kim O và ông Đinh Tiên H5), (6) Đinh Minh T, (7) Đinh Thị Tuyết M, (8) Đinh Minh T6 (chết năm 2009, không vợ con), (9) Đinh Thị Tuyết H, (10) Đinh Thị Ngọc N và (11) Đinh Minh T1; cha mẹ của cụ Y và cụ L đều chết trước hai cụ; ngoài ra 02 cụ không có con riêng, con nuôi nào khác.

- Phần đất có diện tích 402,2m² theo Giấy chứng nhận số 4701211482, 03 căn nhà tọa lạc trên phần đất này và số tiền bồi thường do thu hồi một phần diện tích đất nêu trên 1.410.627.000 đồng là di sản của cụ Y và cụ L để lại.

[4.2] Về việc tổng đạt các văn bản tố tụng:

- Các tài liệu gồm Thông báo thụ lý vụ án số 126/TB-TLVA ngày 08/11/2022; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải số 241/TB-TA (lần 1, 2) ngày 01/4/2024; Quyết định đưa vụ án ra xét xử (lần 1, 2) ngày 01/4/2024 của Toà án cấp sơ thẩm đã được tổng đạt hợp lệ qua Bưu điện cho các đương sự. Cụ thể như sau:

+ Bưu phẩm có ký hiệu ET 81.0781820 VN phát thành công cho bà T5 tại Hoa Kỳ ngày 11/4/2024 (bút lục số 233, 234, 235);

+ Bưu phẩm có ký hiệu ET 81.0196808 VN phát thành công cho bà H1 tại Hoa Kỳ ngày 03/4/2024 (bút lục số 232, 236, 237);

+ Giao thành công cho ông T, ông T1 tại số 110/546 Phạm Văn T7 ngày 05/4/2024 (bút lục số 225).

- Các tài liệu gồm Quyết định xem xét thẩm định tại chỗ số 1005/QĐ-TA ngày 30/10/2023; Thông báo về việc đo đạc, thẩm định giá tài sản tranh chấp số

847/TB-TA ngày 28/9/2023 của Toà án cấp sơ thẩm đã được tổng đạt hợp lệ qua Bưu điện cho ông T1, ông T tại địa chỉ 1 P ngày 04/11/2023.

Địa chỉ của ông T1, ông T cũng chính là địa chỉ mà các bản tự khai, biên bản làm việc và các văn bản mà bà H1 gửi cho Toà án đã ghi.

Do đó, việc ông T và ông H2 cho rằng Toà án cấp sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng cho các ông bà là không có căn cứ để chấp nhận.

[4.3] Về việc thẩm định giá: Chứng thư Thẩm định giá số 5144/CT-ĐNI ngày 05/12/2023 của Công ty Cổ phần T8 xác định giá trị phần diện tích đất 379,6m² là 28.659.800.000 đồng (75.500.000 đồng/m²); giá trị Nhà 1 là 777.600.000 đồng; giá trị Nhà 2 là 175.350.000 đồng; giá trị Nhà 3 là 147.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật về thẩm định giá.

[4.4] Về việc chia thừa kế:

- Việc xác định di sản thừa kế: Các đương sự đều thừa nhận phần đất có diện tích 402,2m² theo Giấy chứng nhận số 4701211482, 03 căn nhà tọa lạc trên phần đất này và số tiền bồi thường do thu hồi một phần diện tích đất nêu trên 1.410.627.000 đồng là di sản của cụ Y và cụ L để lại nên bản án sơ thẩm xác định các tài sản này là di sản của cụ Y và cụ L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 612 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về việc xác định loại thừa kế: Do cụ Y và cụ L chết không để lại di chúc nên bản án sơ thẩm chia thừa kế theo pháp luật là có căn cứ, phù hợp với các quy định tại Điều 649, điểm a khoản 1 Điều 650 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về việc xác định người thừa kế, hàng thừa kế:

Khi chia thừa kế, bản án sơ thẩm đã xác định đúng người thừa kế, hàng thừa kế thứ nhất của cụ Y, cụ L; xác định đúng những người thừa kế thế vị của ông N2, những người thừa kế chuyển tiếp của ông C, phù hợp với các quy định tại Điều 651, Điều 652 Bộ luật Dân sự năm 2015. Cụ thể:

Cụ Y và cụ L có 11 người con gồm các ông bà Đinh Thị H1, Đinh Văn N2, Đinh Thị S, Đinh Thị H3, Đinh Văn C, Đinh Minh T, Đinh Thị Tuyết M, Đinh Minh T6, Đinh Thị Tuyết H, Đinh Thị Ngọc N và Đinh Minh T1.

Ông Đinh Văn N2 chết vào tháng 6/1999 trước cụ Y, cụ L nên các ông bà Đinh Minh N3, Đinh Thị Vân T4 và Đinh Thị Minh T5 là những người thừa kế thế vị của ông N2.

Ông Đinh Văn C chết năm 2014, nên các ông bà Bùi Thị H4, Đinh Thị Kim O và ông Đinh Tiên H5 là những người thừa kế chuyển tiếp của ông C.

Ông Đinh Minh T6 chết năm 2009, không có vợ con nên không có người thừa kế thế vị hoặc thừa kế chuyển tiếp.

Bản án sơ thẩm chỉ chia giá trị diện tích đất còn lại và số tiền bồi thường đối với 22,6m² đất đã giải toả; không chia phần giá trị xây dựng của 03 căn nhà;

giao 03 căn nhà và đất cho ông T1 sở hữu; buộc ông T1 phải có nghĩa vụ thanh toán giá trị đất cho các đồng thừa kế khác là có căn cứ, đúng pháp luật, không làm ảnh hưởng đến người bỏ tiền ra xây dựng, sửa chữa 03 căn nhà nêu trên.

[4.5] Tại cấp phúc thẩm, ông H2 là người đại diện hợp pháp của ông T yêu cầu giao tài sản tranh chấp cho bà H, buộc bà H phải thanh toán giá trị các kỷ phần cho các đồng thừa kế còn lại; ngược lại bà H và các đồng thừa kế khác xác định không có khả năng thanh toán nên không nhận tài sản. Trong giai đoạn thi hành án, nếu không có bất kỳ người thừa kế nào nhận tài sản thì giao cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản để thi hành.

[5] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy kháng cáo của ông T là không có căn cứ để chấp nhận. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[6] Về án phí phúc thẩm: Miễn án phí phúc thẩm cho bà H1, ông T; ông T1 phải nộp 300.000 đồng. Trả cho bà H1 300.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0001115 ngày 26/11/2024 của Cục Thi hành án dân sự (nay là Thi hành án dân sự) tỉnh Đồng Nai.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo luật định.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Đinh Thị H1 và ông Đinh Minh T1;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Đinh Minh T. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2024/DS-ST ngày 05/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 612, Điều 623, Điều 649, điểm a khoản 1 Điều 650, Điều 651, Điều 652 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Tuyết H đối với bị đơn bà Đinh Thị H1, ông Đinh Minh T và ông Đinh Minh T1 về việc chia thừa kế phần đất diện tích 379,6m² thuộc một phần thửa đất số 148, tờ bản đồ số 21,

phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và số tiền 1.410.627.000 đồng (số tiền được bồi thường, hỗ trợ đối với phần đất diện tích 22,6m² thuộc một phần thửa đất số 148, tờ bản đồ số 21, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai do nằm trong dự án Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phường T và T theo Quyết định số 1287/QĐ-UBND ngày 15/11/2023 của UBND thành phố B về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho ông (bà) Đinh Văn Y (đã chết) và bà Đinh Thị L (ĐG) - Hiện chưa phân chia di sản thừa kế do thu hồi đất để thực hiện dự án).

[2] Giao cho ông Đinh Minh T1 được quyền sử dụng phần đất diện tích 379,6m² thuộc một phần thửa đất số 148, tờ bản đồ số 21, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (phần diện tích đất còn lại sau quy hoạch được thể hiện theo bản Trích lục và đo vẽ hiện trạng thửa đất bản đồ địa chính số 3365/2023 ngày 21/11/2022 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đ; thửa đất trên đã được UBND tỉnh Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4701211482 vào ngày 17/7/2003 cho ông Đinh Văn Y và bà Đinh Thị L) và sở hữu toàn bộ tài sản tọa lạc trên phần đất diện tích 379,6m² gồm:

[2.1] Nhà 1: Diện tích xây dựng 103,5m² (diện tích sàn xây dựng 216m²). Kết cấu: móng cột bê tông cốt thép, dầm sàn bê tông cốt thép, tường xây gạch, tô trát, sơn nước, tường ốp gạch cao 1,1m, nền lát gạch bông, trần bê tông cốt thép, cửa đi khung nhôm kính phía trong, cửa sắt kéo phía ngoài; cầu thang: bản thang bê tông cốt thép, lan can tay vịn sắt, bậc xây gạch, sơn đá rửa; tầng trên: nền lát gạch cửa phòng khung sắt kính + khung nhôm kính, cửa sổ khung sắt kính, xà gồ sắt, mái tôn, trần tôn lạnh; lan can trước và sau: nền lát gạch ceramic, lan can khung sắt lửng; Nhà vệ sinh: nền lát gạch ceramic nhám, tường xây gạch, xi bết, cửa không sử dụng được.

[2.2] Nhà 2: Diện tích xây dựng 94m², diện tích xây dựng bị thu hồi 10,5m², diện tích xây dựng còn lại 83,5m². Kết cấu: móng cột gạch, đà kiềng bê tông cốt thép, tường xây gạch, sơn nước, nền lát gạch cửa đi cửa sắt kéo, cửa sổ khung sắt kính, trần tôn lạnh; bếp: thành bếp xây gạch, kệ bếp tấm đan bê tông ốp gạch; nhà vệ sinh: nền lát gạch ceramic nhám, tường xây gạch, xi bết, cửa nhựa; gác: cầu thang sắt, xà gồ sắt, sàn ván ép, lan can khung sắt (đã bị thu hồi).

[2.3] Nhà 3: Diện tích xây dựng 79m², diện tích xây dựng bị thu hồi 09m², diện tích xây dựng còn lại 70m². Kết cấu: móng cột gạch, tường xây gạch, tô trát, sơn nước, nền lát gạch ceramic, trần tôn lạnh; cửa đi, cửa sổ khung nhôm kính; nhà vệ sinh: nền lát gạch ceramic nhám, tường xây gạch, cửa nhựa, xi bết.

[2.4] Ông Đinh Minh T1 có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký biến động theo quy định của pháp luật về quản lý đất đai.

[3] Buộc ông Đinh Minh T1 phải có nghĩa vụ sau:

[3.1] Thanh toán cho các ông bà Đinh Thị Tuyết H, Đinh Thị Ngọc N, Đinh Thị H3, Đinh Thị S, Đinh Thị Tuyết M, Đinh Thị H1, Đinh Minh T mỗi người với số tiền 2.865.980.000 (hai tỷ tám trăm sáu mươi lăm triệu chín trăm tám mươi nghìn) đồng.

[3.2] Thanh toán cho các ông bà Bùi Thị H4, Đinh Thị Kim O và Đinh Tiên H5 (vợ và 02 người con của ông Đinh Văn C) số tiền 2.865.980.000 (hai tỷ tám trăm sáu mươi lăm triệu chín trăm tám mươi nghìn) đồng.

[3.3] Thanh toán cho các ông bà Đinh Minh N3, Đinh Thị Vân T4 và Đinh Thị Minh T5 (03 người con của ông Đinh Văn N2) số tiền 2.865.980.000 (hai tỷ tám trăm sáu mươi lăm triệu chín trăm tám mươi nghìn) đồng.

[4] Trường hợp ông Đinh Minh T1 không có khả năng thanh toán số tiền nêu trên cho các đồng thừa kế thì giao tài sản tranh chấp cho Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi để thi hành án theo quy định.

[5] Giải quyết chia số tiền 1.410.627.000 (một tỷ bốn trăm mười triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn) đồng như sau:

[5.1] Các ông bà Đinh Thị Tuyết H, Đinh Thị Ngọc N, Đinh Thị H3, Đinh Thị S, Đinh Thị Tuyết M, Đinh Thị H1, Đinh Minh T và Đinh Minh T1 mỗi người được chia với số tiền 141.062.700 (một trăm bốn mươi một triệu không trăm sáu mươi hai nghìn bảy trăm) đồng.

[5.2] Các ông bà Bùi Thị H4, Đinh Thị Kim O và Đinh Tiên H5 được chia với số tiền 141.062.700 (một trăm bốn mươi một triệu không trăm sáu mươi hai nghìn bảy trăm) đồng.

[5.3] Các ông bà Đinh Minh N3, Đinh Thị Vân T4 và Đinh Thị Minh T5 được chia với số tiền 141.062.700 (một trăm bốn mươi một triệu không trăm sáu mươi hai nghìn bảy trăm) đồng.

[5.4] Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, các đương sự được chia số tiền trên được quyền liên hệ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục nhận tiền.

[6] Về án phí phúc thẩm:

Miễn án phí phúc thẩm cho bà Đinh Thị H1, ông Đinh Minh T. Trả cho bà H1 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0001115 ngày 26/11/2024 của Cục Thi hành án dân sự (nay là Thi hành án dân sự) tỉnh Đồng Nai.

Ông Đinh Minh T1 phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0001129 ngày 03/12/2024 của Cục Thi hành án dân sự (nay là Thi hành án dân sự) tỉnh Đồng Nai. Ông T1 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo luật định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[8] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện CT và KSXXPT tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA (NTCL).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Khoa